

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152/2024/DSST
Ngày: 05-7-2024
V/v “Tranh chấp đòi
lại tiền góp hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Ngọc Đông;

- Ông Nguyễn Cảnh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/TLST- DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi lại tiền góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2024/QĐST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Vũ Việt N**, sinh năm 1987

Địa chỉ: **C T, tổ B, phường B, Quận H, thành phố Đà Nẵng.**

Người đại diện theo ủy quyền: **Trần Thị Tuyết M**, sinh năm 1964

Địa chỉ: **C T, tổ B, phường B, Quận H, thành phố Đà Nẵng.**

(Theo giấy ủy quyền ngày 18/3/2024)

* **Bị đơn:** Chị **Mai Thị Ngọc H**, sinh năm 1969

Địa chỉ: **Tổ E khu V phường T, TP Q, tỉnh Bình Định.**

* **Người làm chứng:** **Trần Thị Tuyết M**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: **C T, tổ B, phường B, Quận H, thành phố Đà Nẵng.**

(Tại phiên tòa bà **N**, bà **M**, bà **H** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền Nguyên đơn là chị **Trần Thị Tuyết M** khai:

Bà **Mai Thị Ngọc H** là chỗ quen biết, nên vào ngày 16/10/2021 (Âm lịch) bà **H** có mời con chị **M** là **Vũ Việt N** vô 1 phần hụi, thời gian 12 tháng, mỗi tháng nộp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn) x 12 tháng là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn), trừ 1 phần chị ra là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn) còn 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Chị **N** đã nộp đủ 01 lần cho bà **Mai Thị Ngọc H** với số tiền là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn), trừ 10 phần lãi là 40.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền chủ hụi còn lại chị **N** giao cho bà **H** là 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng chẵn), có ghi giấy nhận tiền vào ngày 16/10/2021 âm lịch, thời gian 12 tháng kể từ ngày 16/10/2021 (Âm lịch) nhằm ngày 20/11/2021 đến ngày 16/9/2022 Âm lịch (nhằm ngày 11/10/2022 dương lịch) là kết thúc, thì bà **Mai Thị Ngọc H** chồng trả đủ cho chị **N** đủ số tiền trên là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Ngày 15/8/2022 bà **H** đã trả 12.000.000 đồng, ngày 15/01/2023 bà **H** đã trả 30.000.000 đồng, còn lại 178.000.000 đồng bà **H** không chịu trả. Nhiều lần chị đến nhà bà để đòi nhưng bà **H** không trả.

Nay chị **N** yêu cầu bà **Mai Thị Ngọc H** phải trả cho chị **N** số tiền 178.000.000 đồng và tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật 10%/năm trên số tiền hụi phải trả từ tháng 16/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 11/10/2022 dương lịch) (Tính lãi trừ theo thời gian trả 42.000.000 đồng vào 15/01/2023 và 15/8/2022).

*** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị **Mai Thị Ngọc H** khai:**

Vào ngày 16/10/2021, chị có nhận tiền từ bà **Trần Thị Tuyết M**, tức mẹ chồng của bà **N**, số tiền là 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng chẵn) về việc tham gia đóng hụi giữa các cá nhân. Đúng 12 tháng sau, vì tình hình dịch bệnh Covid quá khó khăn, các thành viên trong dây hụi của chị, người vì bệnh tật, người thì không có khả năng thanh toán, người thì trả chậm trả nhỏ... nên dẫn đến việc chị không có tiền để trả cho bà **Vũ Việt N** theo như thỏa thuận.

Với tư cách là người chịu trách nhiệm, chị có khắc phục tạm thời cho chị **N**, bằng việc: Tháng 08/2022, chị có mua bán và dành dụm số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng chẵn), chuyển vào tài khoản của chị **Trần Thị Tuyết M**. Khoảng tháng 01/2023, chị tiếp tục chuyển trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn) vào tài khoản của chị **M**, nhằm mục đích khắc phục một phần số tiền trên của chị **N**.

Nay, vì tình hình kinh tế gia đình chị quá khó khăn, cũng như ý thức được việc trả nợ của chị, chị đồng ý còn nợ tiền hụi của chị **N** là 178.000.000 đồng. Chị xin tiền lãi hụi là 40.000.000 đồng, nên chỉ trả 138.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả chị không đồng ý.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết**

vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 78 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 274, 280, 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, 22 23, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Vũ Việt N**, buộc bà **Mai Thị Ngọc H** phải trả cho bà **N** số tiền họ còn nợ là 178.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 16/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 11/10/2022 dương lịch) trừ theo thời gian trả 12.000.000 đồng vào ngày 15/8/2022, trả 30.000.000 đồng vào ngày 15/01/2023.

Về án phí: Bà **Mai Thị Ngọc H** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tham khảo ý kiến của Hội đồng xét xử, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, **H1** không thấy cần thiết phải:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà **Trần Thị Tuyền M1**, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị **Vũ Việt N** và là người làm chứng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà **Mai Thị Ngọc H** là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khai: Ngày 16/10/2021 (Âm lịch) chị **Vũ Việt N** có tham gia chơi 01 chân họ do bà **Mai Thị Ngọc H** là chủ họ, thời gian 12 tháng, mỗi tháng nộp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn) x 12 tháng là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn), trừ 1 phần chị ra là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn), còn 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn), chị **N** đã nộp đủ 01 lần cho bà **H** với số tiền là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn), trừ 10 phần tiền lãi họ là 40.000.000 đồng, và 6.000.000 đồng tiền chủ họ còn lại **N** giao cho bà **H** là 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng chẵn), có ghi giấy nhận tiền vào ngày 16/10/2021 âm lịch, thời gian 12 tháng kể từ ngày 16/10/2021 (Âm lịch) nhằm ngày 20/11/2021 đến ngày 16/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 11/10/2022 dương lịch) là kết thúc, thì bà **Mai Thị Ngọc H** không trả đủ cho chị **N** số tiền: 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Tuy nhiên

đến ngày kết thúc bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hui đầy đủ cho chị N mặc dù chị N, bà M1 đã nhiều lần yêu cầu. Tính đến ngày 26/4/2024, bà H đã trả cho chị N số tiền là 42.000.000 đồng. Cụ thể ngày 15/8/2022 trả bà H trả cho chị N 12.000.000 đồng, ngày 15/01/2023 bà H trả cho chị N trả 30.000.000 đồng. Còn lại 178.000.000 đồng bà H còn nợ chưa trả.

Nay chị N yêu cầu bà Mai Thị Ngọc H phải trả cho chị N số tiền trên 178.000.000 đồng và tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật 10%/năm trên số tiền hui phải trả từ tháng 16/9/2022 âm lịch (Tính lãi trừ theo thời gian trả 42.000.000 đồng vào 15/8/2022 và 15/01/2023).

Bị đơn chị Mai Thị Ngọc H khai: Vào ngày 16/10/2021, chị có nhận tiền từ bà Trần Thị Tuyết M, tức mẹ chồng của bà N, số tiền là 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng chẵn) về việc tham gia đóng hui giữa các cá nhân. Đúng 12 tháng sau, vì tình hình dịch bệnh Covid quá khó khăn, nên dẫn đến việc chị H không có tiền để trả cho chị N như thỏa thuận. Tháng 08/2022, chị H trả 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng chẵn), chuyển vào tài khoản của bà Trần Thị Tuyết M, khoảng tháng 01/2023, chị tiếp tục chuyển trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn) vào tài khoản của bà M. Nay chị đồng ý còn nợ tiền hui của chị N là 178.000.000 đồng, chị xin tiền lãi hui là 40.000.000 đồng, nên chỉ trả 138.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả chị không đồng ý.

Các bên đương sự thống nhất số tiền hui còn nợ là 178.000.000 đồng, Nguyên đơn chị N yêu cầu bà H trả 01 lần và tính lãi chậm trả 10%. Bị đơn xin tiền lãi hui 40.000.000 đồng, chỉ trả 138.000.000 đồng và không đồng ý tính lãi chậm trả.

HĐXX xét: Hui, họ (hui) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người, nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Đến kỳ hạn, bị đơn là thành viên đã lĩnh hui không góp hui theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả phần hui mà nguyên đơn đã góp cho bị đơn là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn đồng ý còn nợ tiền góp hui của Chị N là 178.000.000 đồng, nhưng nay xin tiền lãi hui là 40.000.000 đồng, chỉ trả 138.000.000 đồng. Yêu cầu này không được nguyên đơn chấp nhận. Vì vậy, buộc bà H có trách nhiệm trả cho chị N số tiền 178.000.000 đồng.

Về yêu cầu trả lãi chậm trả của nguyên đơn, HĐXX xét: Ngày 16/9/2022 âm lịch tức ngày (nhằm ngày 11/10/2022 dương lịch) là ngày bà H phải giao tiền hui cho chị N nhưng bà H không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả tiền, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả đến ngày xét xử là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi chậm trả bà H phải trả cho chị N là:

- Từ 11/10/2022 đến ngày 15/01/2023

208.000.000 đồng x 10%/năm x 3 tháng 5 ngày = 5.484.932 đồng.

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của BLTTDS.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- CQ THA DS Tp. Quy Nhơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tài